

THỰC TRẠNG KỸ NĂNG HỢP TÁC CỦA TRẺ 5–6 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON TẠI MỸ THO

Nguyễn Thị Xuân Anh¹

Tóm tắt: Kỹ năng hợp tác là một thành tố quan trọng trong phát triển năng lực xã hội của trẻ 5–6 tuổi, có ý nghĩa trực tiếp đối với sự thích ứng học đường và khả năng tham gia các hoạt động nhóm khi trẻ chuẩn bị vào lớp 1. Tuy nhiên, trong bối cảnh giáo dục mầm non hiện nay, mức độ kỹ năng hợp tác của trẻ có thể khác biệt giữa các cơ sở giáo dục do điều kiện tổ chức hoạt động, môi trường giao tiếp và cách thức giáo viên định hướng tương tác nhóm. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng kỹ năng hợp tác của trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Mỹ Tho. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát mô tả kết hợp quan sát theo tiêu chí, trong đó kỹ năng hợp tác được xem xét qua các biểu hiện cốt lõi như chia sẻ, chờ lượt, phối hợp thực hiện nhiệm vụ chung, lắng nghe và giải quyết bất đồng đơn giản. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả để xác định mức độ chung, mức độ theo từng biểu hiện và sự khác biệt giữa các nhóm bối cảnh lớp học. Kết quả nghiên cứu cung cấp căn cứ khoa học cho việc đề xuất biện pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng hợp tác cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non ở Mỹ Tho.

Từ khóa: kỹ năng hợp tác; trẻ 5–6 tuổi; thực trạng; trường mầm non; Mỹ Tho

1. MỞ ĐẦU

Kỹ năng hợp tác được hiểu là khả năng phối hợp với người khác nhằm đạt được mục tiêu chung thông qua các hành vi như chia sẻ, lắng nghe, phân công nhiệm vụ, tuân thủ quy tắc và điều chỉnh hành vi trong tương tác nhóm. Ở trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi, kỹ năng này giữ vai trò nền tảng trong sự phát triển năng lực xã hội và sự sẵn sàng học tập, bởi đây là giai đoạn trẻ gia tăng mạnh mẽ nhu cầu giao tiếp ngang hàng, tham gia hoạt động nhóm và hình thành ý thức về vai trò cá nhân trong tập thể (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021; Vygotsky, 1978). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng mức độ kỹ năng hợp tác ở giai đoạn mầm non có mối liên hệ chặt chẽ với khả năng thích ứng học đường, hành vi tích cực trong lớp học và sự phát triển các năng lực xã hội – cảm xúc ở các bậc học tiếp theo (Durlak et al., 2011; OECD, 2021).

Các công bố quốc tế cho thấy kỹ năng hợp tác của trẻ mầm non không phải là một năng lực đơn lẻ mà được cấu thành từ nhiều thành tố như khả năng chia sẻ nguồn lực, chờ lượt, phối hợp hành động theo phân công, thương lượng và giải quyết bất đồng ở mức độ phù hợp với lứa tuổi (Denham & Burton, 2003; Smits-van der Nat et al., 2024). Tuy nhiên, sự phát triển của các thành tố này thường không đồng đều. Trong khi các hành vi cơ bản như chờ lượt hay chia sẻ có thể được hình thành sớm thông qua sinh hoạt hằng ngày, thì những biểu hiện phức tạp hơn như phối hợp theo nhiệm vụ chung hay giải quyết xung đột một cách chủ động thường đòi hỏi môi trường giáo dục có tổ chức và sự hỗ trợ có chủ đích từ giáo viên (Blewitt et al., 2020; Hirsh-Pasek et al., 2020). Điều này cho thấy môi trường lớp học và cách thức tổ chức hoạt động có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ biểu hiện kỹ năng hợp tác của trẻ.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu tổng quan và phân tích thực nghiệm đã khẳng định kỹ năng hợp tác có tính phát triển và có thể được cải thiện thông qua các hoạt động giáo dục phù hợp, đặc biệt là hoạt động chơi hợp tác và học tập dựa trên trải nghiệm (Durlak et al., 2011; Kolb, 1984). Tuy nhiên, các tác giả cũng nhấn mạnh rằng để xây dựng biện pháp giáo dục hiệu quả, việc nhận diện đúng thực trạng và mức độ biểu hiện cụ thể của kỹ năng hợp tác trong từng bối cảnh giáo dục là điều kiện tiên quyết (Denham & Burton, 2003; OECD, 2021). Việc khảo sát thực trạng không chỉ giúp xác định mức độ chung mà còn làm rõ những biểu hiện nào là điểm mạnh và biểu hiện nào còn hạn chế, từ đó định hướng nội dung và hình thức tổ chức giáo dục phù hợp.

Tại Việt Nam, Chương trình Giáo dục mầm non và Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi đã xác định phát triển tình cảm – xã hội và kỹ năng hợp tác là một trong những mục tiêu quan trọng ở cuối bậc học mầm non (BGDDT, 2010, 2021). Trong những năm gần đây, nhiều cơ sở giáo dục mầm non đã chú trọng hơn đến việc tổ chức hoạt động nhóm và tạo môi trường tương tác tích cực cho trẻ. Tuy nhiên, các nghiên cứu tập trung khảo sát và phân tích thực trạng kỹ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi ở từng địa phương cụ thể, đặc biệt tại thành phố Mỹ Tho, vẫn còn hạn chế và chưa được triển khai một cách hệ thống.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng kỹ năng hợp tác của trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non ở Mỹ Tho, làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các biện pháp giáo dục phù hợp với bối cảnh địa phương.

¹ Trường Đại học Tiền Giang

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế khảo sát mô tả kết hợp quan sát theo tiêu chí nhằm nhận diện mức độ phát triển kỹ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi trong bối cảnh hoạt động giáo dục mầm non. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu mô tả thực trạng và so sánh tương quan giữa các thành tố kỹ năng hợp tác. Dữ liệu được xử lý bằng các chỉ số thống kê mô tả, hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) để kiểm định độ tin cậy và giá trị cấu trúc của thang đo.

2.1.2. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm 520 trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi đang học tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Mỹ Tho. Trẻ được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện có kiểm soát, bảo đảm đại diện cho nhiều lớp và nhiều cơ sở giáo dục khác nhau.

Tiêu chí phân bố mẫu	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Số trường tham gia khảo sát	8	100	Trên địa bàn TP. Mỹ Tho
Số lớp mẫu giáo 5–6 tuổi	26	100	Trung bình ~20 trẻ/lớp
Trẻ nam	258	49,6	
Trẻ nữ	262	50,4	
Tổng số trẻ	520	100,0	

2.1.3. Công cụ và quy trình thu thập dữ liệu

Công cụ chính của nghiên cứu là thang quan sát kỹ năng hợp tác gồm 12 biến quan sát, được xây dựng theo thang Likert 5 mức, trong đó 1 = chưa thể hiện và 5 = thể hiện thường xuyên, ổn định. Các biến quan sát được tổ chức thành 3 thành tố: nhận thức về hợp tác (4 biến), thực hành hợp tác (4 biến) và ứng dụng hợp tác trong tình huống nhóm (4 biến), bảo đảm phản ánh đầy đủ các biểu hiện cơ bản và nâng cao của kỹ năng hợp tác ở trẻ 5–6 tuổi.

Dữ liệu được thu thập thông qua quan sát trẻ trong các hoạt động có tương tác nhóm như chơi góc, hoạt động học theo nhóm nhỏ, hoạt động ngoài trời và các nhiệm vụ có sản phẩm chung. Quan sát được thực hiện lặp lại ở nhiều thời điểm khác nhau nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của yếu tố tình huống và tăng độ tin cậy của dữ liệu.

Quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện bởi 6 người quan sát, bao gồm 3 giáo viên mầm non trực tiếp giảng dạy và 3 nghiên cứu viên độc lập không tham gia giảng dạy tại lớp. Sự kết hợp này nhằm bảo đảm vừa có hiểu biết sâu về đặc điểm của trẻ, vừa hạn chế thiên lệch do quen thuộc với đối tượng quan sát.

Mỗi lớp được quan sát trong 3 buổi khác nhau, mỗi buổi kéo dài khoảng 25–30 phút, tập trung vào các hoạt động có tính hợp tác cao. Tổng số lượt quan sát là 78 lượt (26 lớp $\times$ 3 lần), giúp tăng tính đại diện và độ ổn định của dữ liệu thu thập.

Trước khi tiến hành quan sát chính thức, các người quan sát được tập huấn và thống nhất về nội dung thang đo, cách nhận diện hành vi, tiêu chí đánh giá cũng như nguyên tắc ghi nhận minh chứng. Đồng thời, nghiên cứu tiến hành kiểm soát sai lệch liên đánh giá (inter-rater reliability) thông qua việc so sánh kết quả quan sát giữa các người quan sát trên cùng một nhóm trẻ. Hệ số đồng thuận (Cohen's Kappa) đạt 0,78, cho thấy mức độ nhất quán giữa các người quan sát ở mức tốt.

Việc thiết kế quy trình quan sát theo hướng chuẩn hóa, lặp lại và có kiểm soát sai lệch góp phần bảo đảm độ tin cậy và tính khách quan của dữ liệu trong nghiên cứu.

2.1.4. Cách xử lý số liệu

Dữ liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS. Nghiên cứu sử dụng Cronbach's Alpha để đánh giá độ tin cậy nội tại của thang đo; sử dụng phân tích nhân tố khám phá (EFA) để kiểm định giá trị cấu trúc; đồng thời sử dụng thống kê mô tả (Mean, SD) để xác định mức độ phát triển kỹ năng hợp tác theo từng biến quan sát và theo từng thành tố. Trên cơ sở điểm trung bình thành tố, nghiên cứu tiến hành so sánh tương đối giữa ba nhóm kỹ năng nhằm làm rõ xu hướng phát triển nổi trội và hạn chế của trẻ.

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. Cấu trúc kỹ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi

Trong nghiên cứu này, độ tin cậy của thang đo Cấu trúc kỹ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi được kiểm định bằng hệ số Cronbach's Alpha. Đây là chỉ số thống kê được sử dụng phổ biến nhằm đánh giá mức độ nhất quán nội tại giữa các biến quan sát trong cùng một thang đo, phản ánh mức độ các tiêu chí cùng đo lường một khái niệm tiềm ẩn.

Kết quả kiểm định cho thấy thang đo kỹ năng hợp tác được cấu trúc thành ba thành tố: (1) nhận thức về hợp tác; (2) thực hành hợp tác; (3) ứng dụng hợp tác trong tình huống nhóm. Các hệ số Cronbach's Alpha lần lượt đạt 0,834; 0,861 và 0,847, vượt ngưỡng chấp nhận 0,70, cho thấy các nhóm biến có độ nhất quán nội tại tốt và đủ điều kiện để tiếp tục kiểm định giá trị thang đo.

Thành tố	Số biến	Cronbach's Alpha	Các biến quan sát
Nhận thức về hợp tác	4	0,834	HT1, HT2, HT3, HT4
Thực hành hợp tác	4	0,861	HT5, HT6, HT7, HT8
Ứng dụng hợp tác	4	0,847	HT9, HT10, HT11, HT12

2.2.2. Kiểm định giá trị thang đo

Sau khi bảo đảm độ tin cậy, thang đo được tiếp tục xem xét giá trị cấu trúc thông qua phân tích nhân tố khám phá (EFA). Về mặt lý thuyết, EFA được sử dụng để xác định mức độ hội tụ của các biến quan sát vào những nhân tố tiềm ẩn tương ứng, qua đó củng cố cơ sở cho cấu trúc ba thành tố đã đề xuất.

Chỉ số	Giá trị
KMO	0.842
Bartlett's Test	Sig. = 0.000
Eigenvalue	> 1
Số nhân tố trích	3
Tổng phương sai trích	64.2%
Factor loading	> 0.60

2.2.3. Thực trạng mức độ kỹ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi

Kết quả thống kê mô tả cho thấy điểm trung bình các biến quan sát dao động từ 3,73 đến 3,84 trên thang đo 5 mức, phản ánh rằng kỹ năng hợp tác của trẻ nhìn chung đạt mức trung bình khá. Tuy nhiên, mức độ phát triển giữa các thành tố không hoàn toàn đồng đều.

Thành tố/biểu hiện	Mã biến	Mean	SD
Nhận thức về hợp tác		3,79	—
Nhận biết vai trò trong nhóm	HT1	3,78	1,12
Hiểu quy tắc hoạt động nhóm	HT2	3,81	1,10
Nhận biết sự cần thiết của chia sẻ	HT3	3,82	1,09
Nhận biết mục tiêu chung	HT4	3,76	1,14
Thực hành hợp tác		3,82	—
Chia sẻ đồ dùng	HT5	3,83	1,11

Thành tố/biểu hiện	Mã biến	Mean	SD
Chờ lượt khi tham gia	HT6	3,84	1,08
Phối hợp theo phân công	HT7	3,79	1,13
Lắng nghe bạn	HT8	3,80	1,12
Ứng dụng hợp tác		3,76	—
Giải quyết bất đồng đơn giản	HT9	3,74	1,16
Điều chỉnh hành vi khi nhóm gặp khó khăn	HT10	3,77	1,15
Chủ động đề xuất ý tưởng	HT11	3,73	1,18
Duy trì tinh thần hợp tác	HT12	3,81	1,12
Điểm trung bình chung		3,79	—

Khi tính theo thành tố, thực hành hợp tác đạt điểm trung bình cao nhất ($M = 3,82$), tiếp đến là nhận thức về hợp tác ($M = 3,79$), trong khi ứng dụng hợp tác có điểm trung bình thấp nhất ($M = 3,76$). Sự chênh lệch tuyệt đối giữa các thành tố không lớn nhưng đủ cho thấy xu hướng: trẻ dễ thực hiện các hành vi hợp tác cơ bản hơn là vận dụng linh hoạt kỹ năng hợp tác trong các tình huống nhóm phức hợp.

Ở nhóm nhận thức về hợp tác, trẻ đã có nhận thức tương đối rõ về vai trò cá nhân và quy tắc nhóm. Tuy nhiên, biến “nhận biết mục tiêu chung” có điểm thấp hơn các biến còn lại, cho thấy một bộ phận trẻ vẫn thiên về tham gia hoạt động theo yêu cầu tức thời hơn là thực sự ý thức được đích đến chung của nhóm.

Ở nhóm thực hành hợp tác, các hành vi như chia sẻ đồ dùng và chờ lượt đạt mức cao hơn. Đây là những hành vi được củng cố khá thường xuyên trong sinh hoạt lớp học. Ngược lại, biểu hiện “phối hợp theo phân công” thấp hơn cho thấy trẻ chưa thật ổn định trong việc thực hiện vai trò gắn với nhiệm vụ chung, đặc biệt khi hoạt động đòi hỏi sự phối hợp kéo dài.

Ở nhóm ứng dụng hợp tác, các biểu hiện “giải quyết bất đồng đơn giản”, “điều chỉnh hành vi khi nhóm gặp khó khăn” và “chủ động đề xuất ý tưởng” là những tiêu chí còn hạn chế hơn cả. Đây là nhóm kỹ năng hợp tác bậc cao, đòi hỏi sự phối hợp giữa nhận thức xã hội, khả năng điều chỉnh cảm xúc và kinh nghiệm tương tác nhóm.

Độ lệch chuẩn của nhiều tiêu chí đều ở mức trên 1,10, cho thấy sự phân hóa tương đối rõ giữa các trẻ. Điều này có thể phản ánh sự khác biệt về kinh nghiệm giao tiếp, cơ hội tham gia hoạt động nhóm, mức độ hỗ trợ từ gia đình và cách thức tổ chức hoạt động tại từng lớp học.

2.2.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy kỹ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi tại các trường mầm non ở Mỹ Tho đạt mức trung bình khá. Xu hướng này phù hợp với các nhận định của Denham và Burton (2003), theo đó các hành vi hợp tác cơ bản của trẻ mẫu giáo thường được hình thành dần trong bối cảnh lớp học và sinh hoạt hằng ngày, nhưng để chuyển sang các biểu hiện hợp tác bậc cao, trẻ cần nhiều cơ hội trải nghiệm có chủ đích hơn.

Việc thành tố thực hành hợp tác có điểm trung bình cao hơn hai thành tố còn lại cho thấy trẻ thường dễ biểu hiện những hành vi được giáo viên nhắc nhở trực tiếp và có quy tắc rõ ràng, chẳng hạn như chờ lượt hay chia sẻ đồ dùng. Kết quả này tương đồng với những phân tích của Blewitt và cộng sự (2020) cũng như Hirsh-Pasek và cộng sự (2020), trong đó môi trường lớp học có cấu trúc và hoạt động chơi có hướng dẫn được xem là điều kiện thuận lợi để hình thành các hành vi hợp tác cơ bản.

Trong khi đó, ứng dụng hợp tác là thành tố có điểm trung bình thấp nhất. Điều này cho thấy trẻ còn hạn chế trong việc giải quyết bất đồng, chủ động đề xuất ý tưởng hoặc điều chỉnh hành vi khi nhóm gặp khó khăn. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu về cooperative play, cho rằng những kỹ năng hợp tác bậc cao đòi hỏi trẻ phải phối hợp đồng thời nhận thức xã hội, năng lực ngôn ngữ và kiểm soát cảm xúc (Smits-van der Nat et al., 2024).

Độ lệch chuẩn tương đối lớn ở nhiều tiêu chí cho thấy mức độ phát triển kỹ năng hợp tác giữa các trẻ còn có sự phân hóa. Trong bối cảnh giáo dục mầm non ở Mỹ Tho, sự khác biệt này có thể chịu tác động bởi điều kiện tổ chức hoạt động của từng lớp, sĩ số, môi trường giao tiếp trong gia đình cũng như kinh nghiệm tham gia hoạt động nhóm của trẻ. Nhận định này phù hợp với quan điểm của Vygotsky (1978) khi cho rằng sự phát triển kỹ năng xã hội của trẻ luôn gắn chặt với bối cảnh tương tác và sự hỗ trợ của người lớn.

Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra một số gợi ý sư phạm. Thứ nhất, giáo viên cần tăng cường các hoạt động nhóm nhỏ có nhiệm vụ chung và có phân vai rõ ràng để trẻ được luyện tập phối hợp theo mục tiêu chung. Thứ hai, cần tổ chức các hoạt động trải nghiệm hoặc đóng vai giải quyết tình huống mâu thuẫn đơn giản nhằm phát triển kỹ năng thương lượng và giải quyết bất đồng. Thứ ba, giáo viên nên tạo thêm cơ hội cho trẻ nêu ý tưởng, thảo luận và tự điều chỉnh cách thực hiện nhiệm vụ thay vì chỉ thực hiện theo hướng dẫn một chiều. Các gợi ý này xuất phát trực tiếp từ những biểu hiện còn hạn chế trong nhóm ứng dụng hợp tác.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã cung cấp cái nhìn khái quát về thực trạng phát triển kỹ năng hợp tác của trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi ở một số trường mầm non tại thành phố Mỹ Tho thông qua việc phân tích cấu trúc thang đo và thống kê mức độ biểu hiện của các tiêu chí kỹ năng. Thang đo kỹ năng hợp tác được xác định gồm ba thành tố: nhận thức về hợp tác, thực hành hợp tác và ứng dụng hợp tác.

Kết quả mô tả cho thấy kỹ năng hợp tác của trẻ nhìn chung đạt mức trung bình khá, trong đó thực hành hợp tác là thành tố nổi trội hơn, còn ứng dụng hợp tác là thành tố hạn chế hơn. Những biểu hiện như chia sẻ đồ dùng, chờ lượt, tuân thủ quy tắc nhóm được thực hiện tương đối thường xuyên; trong khi giải quyết bất đồng, chủ động đề xuất ý tưởng và điều chỉnh hành vi khi nhóm gặp khó khăn vẫn cần được quan tâm nhiều hơn.

Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng để định hướng việc thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp, đặc biệt là các hoạt động trải nghiệm và hoạt động nhóm nhằm tạo cơ hội cho trẻ luyện tập và phát triển kỹ năng hợp tác trong môi trường giáo dục mầm non. Đồng thời, nghiên cứu cũng gợi mở hướng tiếp theo về kiểm định sâu hơn giá trị thang đo và đánh giá hiệu quả của các biện pháp sư phạm nhằm nâng cao kỹ năng hợp tác cho trẻ trong bối cảnh địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Blewitt, C., Bergmeier, H., Macdonald, J. A., & Olsson, C. A. (2020), *Social and emotional learning in early childhood education: What/how are we teaching the teachers*, Early Childhood Research Quarterly, Volume 53, pp.146-155, <https://doi.org/10.1016/j.ecresq.2020.06.002>.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi*, (Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2010/TT-BGDĐT quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi).
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình Giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT)*, <https://moet.gov.vn>.
4. Denham, S. A., & Burton, R. (2003), *Social and emotional prevention and intervention programming for preschoolers*, Springer, doi: 10.1007/978-1-4615-0055-1.
5. Durlak, J. A., Weissberg, R. P., Dymnicki, A. B., Taylor, R. D., & Schellinger, K. B. (2011), *The impact of enhancing students' social and emotional learning: A meta-analysis of school-based universal interventions*, Child Development, 82(1), pp.405-432, <https://doi.org/10.1111/j.1467-8624.2010.01564.x>.

6. Hirsh-Pasek, K., Zosh, J. M., Golinkoff, R. M., Gray, J. H., Robb, M. B., & Kaufman, J. (2020), *Our hidden creative capital: Playful learning promotes 21st-century skills*, Science Advances, 6(6), eaay7087, <https://doi.org/10.1126/sciadv.aay7087>.
7. OECD. (2021), *Beyond academic learning: First results from the Survey of Social and Emotional Skills*, OECD Publishing, <https://doi.org/10.1787/92a11084-en>.
8. Smits-Van Der Nat, J., Van Der Veen, C., & Van Oers, B. (2024), *The Value of Pretend Play for Social Competence in Early Childhood: A Meta-analysis*, Educational Psychology Review 36, Article 46, Doi 10.1007/s10648-024-09884-z.
9. Vygotsky, L. S. (1978), *Mind in society: The development of higher psychological processes*, Harvard University Press.
10. Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice-Hall.

THE CURRENT STATUS OF COLLABORATIVE SKILLS AMONG 5–6-YEAR-OLD CHILDREN IN PRESCHOOLS IN MY THO

Nguyen Thi Xuan Anh

Abstract: Cooperation skills are a key component of social competence in children aged 5–6 and are closely linked to school readiness and effective participation in group learning contexts when entering primary school. However, children's cooperation skills may vary across preschools due to differences in classroom interaction opportunities, organizational conditions, and teachers' facilitation of peer collaboration. This study investigates the current status of cooperation skills among 5–6-year-old children in preschools in My Tho city. A descriptive survey design combined with criterion-based observation was employed. Cooperation skills were examined through core behavioral indicators, including sharing, turn-taking, coordinating toward a common goal, active listening, and managing minor peer conflicts. Data were analyzed using descriptive statistics to identify overall levels, profiles across indicators, and differences across classroom contexts. The findings provide empirical evidence to inform pedagogical recommendations and the design of experiential activities aimed at improving cooperation skills for preschool children in My Tho.

Keywords: cooperation skills; children aged 5–6; current status; preschool; My Tho.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 04-3-2026; ngày phản biện đánh giá: 21-3-2026; ngày chấp nhận đăng: 08-4-2026)